TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/DS-ST
Ngày: 19/11/2019
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Bà **Lê Thị Bích Ngọc**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh**- *Kiểm sát viên*

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-DS Ngày 27 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2019/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị Thu G – sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Phan Văn U – sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố X, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 06/12/2018 ông Phan Văn U có vay của bà Bùi Thị Thu G số tiền 650.000.000 đồng, cam kết đến ngày 06/01/2019 sẽ hoàn trả và thanh toán tiền lãi tương ứng với lãi do Ngân hàng nhà nước quy định. Tuy nhiên từ ngày vay đến nay ông U không trả vốn lẫn lãi cho bà G.

Nay bà G yêu cầu Tòa án buộc ông U phải có nghĩa vụ trả số tiền 650.000.000 đồng và lãi theo quy định.

*Tại bản tự khai ngày 09/9/2019, ông Phan Văn U trình bày:*Nguyên đơn cho ông U vay số tiền 650.000.000 đồng nhằm mục đích làm vốn cho Công ty TNHH MTX T hoạt động về lĩnh vực xây dựng. Trong thời gian hoạt động kinh doanh làm

ăn thua lỗ, đồng thời một số doanh nghiệp và nhà thầu xây dựng còn nợ chưa thanh toán nên chưa thể trả nợ cho bà G. Mong Tòa án và bà G xem xét giúp đỡ và tạo điều kiện cho Công ty T xin trả dần hàng tháng và khi thu được nợ sẽ trả tiền cho bà G.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Ông Phan Văn U được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 650.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy có có sở chấp nhận, Bởi lẽ: Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp và ông Phan Văn U cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng nên buộc ông U phải có nghĩa vụ trả 650.000.000 đồng cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Đối với trình bày của ông Phan văn U cho rằng số tiền ông vay của bà G dùng vào mục đích hoạt động kinh doanh xây dựng của Công ty TNHH MTX T nhưng trong giấy mượn tiền ngày 06/12/2018 không thể hiện, phía nguyên đơn khẳng định cho cá nhân ông U vay. Tòa án đã triệu tập ông U đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng ông U không đến. Tòa án cũng thông báo cho ông U cung cấp tài liệu, chứng cứ là địa chỉ, tài liệu chứng cứ của Công ty TNHH MTX T nhưng ông U không có mặt ở Tòa án cũng như không giao nộp chứng cứ chứng minh Công ty TNHH MTX T có liên quan đến vụ án. Do đó Tòa án chỉ buộc ông U trả nợ cho bà G, còn quan hệ giữa ông U và Công ty TNHH MTX T sẽ thụ lý bằng vụ kiện khác khi ông U có yêu cầu.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng theo biên nhận nợ thể hiện hai bên không có thỏa thuận về vay có lãi, bị đơn không có mặt tại phiên tòa và nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh là vay có lãi nên từ ngày 06/01/2019 ông U đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà G yêu cầu tính lãi thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để buộc ông U phải trả lãi cho bà G số tiền 56.513.889 đồng.

[5] Đối với yêu cầu xin trả dần của ông U thấy rằng không có cơ sở chấp nhận, do nguyên đơn không đồng ý, hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không có quy định về thời gian chậm trả nếu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức

thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[6] Về án phí DSST: Ông U bị buộc trả số tiền 706.513.889 đồng cho nguyên đơn nên phải chịu án phí 32.260.556 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu G.

Xử buộc: Ông Phan Văn U có nghĩa vụ trả số tiền 706.513.889 đồng (Bảy trăm lẻ sáu triệu năm trăm mười ba nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) cho bà Bùi Thị Thu G, trong đó tiền gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi là 56.513.889 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Buộc ông U phải nộp án phí DSST là 32.260.556 đồng

Bà G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 15.000.000 đồng theo lai thu số 0004415 ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Văn U có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tFut1ại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh